

Số: 748/TB-CCTHADS

Tam Nông, ngày 13 tháng 10 năm 2022

## THÔNG BÁO

### Về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản thi hành án dân sự

*Căn cứ Điều 98 Luật Thi hành án dân sự;*

*Căn cứ Bản án số 44/2016/HS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;*

*Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số 609/QĐ-CCTHADS và Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 610/QĐ-CCTHADS, ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;*

*Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 38/QĐ-CCTHADS, ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.*

*Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (địa chỉ: Đường Võ Văn Kiệt, khóm 5, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp) thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản thi hành án như sau:*

#### **1. Tài sản thẩm định giá:**

**1.1.** Quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận diện tích: **1.470m<sup>2</sup>**, (diện tích đo đạc thực tế **1.470m<sup>2</sup>**) sau khi trừ diện tích đất xây mồ mã là người thân của ông Vừa, bà Hiền là: **204,8m<sup>2</sup>**; diện tích còn lại đo đạc thực tế: **1.265,2m<sup>2</sup>**, thuộc thửa số 2386, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng: đất cây lâu năm; (theo bản đồ địa chính chính quy là thửa số 86, tờ bản đồ số 49) do hộ bà Trần Thị Hiền đứng tên;

#### **Có tứ cận sau:**

*Hướng đông:* Giáp đất UBND xã An Hòa, có cạnh dài 35m; giáp thửa 53 đất bà Trần Thị Hiền có cạnh dài 16m.

*Hướng tây:* Giáp thửa 84, thửa 85 đất bà Trần Thị Hiền, có cạnh dài 5,93m; cạnh dài 27,08m; giáp thửa 53 đất bà Trần Thị Hiền có cạnh dài 14m.

*Hướng nam:* Giáp thửa 55, đất bà Trần Thị Hồng, có cạnh dài 41,32m.

*Hướng bắc:* Giáp thửa 53 đất bà Trần Thị Hiền, có cạnh dài 6,48m; cạnh dài 12m; giáp thửa 49 đất ông Trần Văn Bé, có cạnh dài 24,15m.

#### **(Có sơ đồ đo đạc thực tế kèm theo).**

**1.2.** Quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận diện tích: **910,4m<sup>2</sup>**, (diện tích đo đạc thực tế **910,9m<sup>2</sup>**) sau khi trừ diện tích đất lộ làng là: **176,7m<sup>2</sup>** và phần diện tích đất làm lối đi là: **25,5m<sup>2</sup>**, diện tích còn lại đo đạc thực tế: **708,7m<sup>2</sup>**, thuộc thửa số 2387, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng: đất cây lâu năm.

Qua đối chiếu theo bản đồ địa chính chính quy là thửa số 84, tờ bản đồ số 49, diện tích **690,8m<sup>2</sup>**, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm. Giảm **17,9m<sup>2</sup>** so với sơ đồ đo đạc ngày 10/5/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông và Bản án số 44/2016/HSST ngày 07/12/2016.

**Nguyên nhân chênh lệch diện tích:** Do thực hiện theo công văn số 180/UBND-KTN ngày 21/02/2020 về phạm vi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính chính quy. Có tứ cận sau:

*Hướng đông:* Giáp thửa 85 đất bà Trần Thị Hiền, có cạnh dài 27,84m; giáp thửa 86 đất bà Trần Thị Hiền có cạnh dài 5,93m.

*Hướng tây:* Giáp đường liên xã An Long, An Hòa, Phú Ninh, có cạnh dài 9,17m; cạnh dài 24,21m.

*Hướng nam:* Giáp thửa 85 đất bà Trần Thị Hồng, có cạnh dài 3,63m; cạnh dài 19,02m; giáp thửa 61 đất bà Trần Thị Hồng, có cạnh dài 28,13m.

*Hướng bắc:* Giáp thửa 53 đất bà Trần Thị Hiền có cạnh dài 12,12m; giáp thửa 85 đất bà Trần Thị Hiền có cạnh dài 34,01m.,

**(Có sơ đồ đo đạc thực tế kèm theo).**

**1.3.** Quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận diện tích: **882,5m<sup>2</sup>**, (diện tích đo đạc thực tế **1.000m<sup>2</sup>**) sau khi trừ phần diện tích đất làm lối đi là: **68m<sup>2</sup>**, diện tích còn lại đo đạc thực tế: **932m<sup>2</sup>**, thuộc thửa số 1068, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn; (theo bản đồ địa chính chính quy là thửa số 85, tờ bản đồ số 49) do hộ bà Trần Thị Hiền đứng tên có tứ cận như sau:

*Hướng đông:* Giáp thửa 86 đất bà Trần Thị Hiền, có cạnh dài 27,08m

*Hướng tây:* Giáp thửa 84 đất bà Trần Thị Hiền, có cạnh dài 27,84m.

*Hướng nam:* Giáp thửa 84 đất bà Trần Thị Hiền, có cạnh dài 34,01m.

*Hướng bắc:* Giáp thửa 53 đất bà Trần Thị Hiền, có cạnh dài 33,86m.

**(Có sơ đồ đo đạc thực tế kèm theo).**

**1.4.** Trên thửa đất 1068 có xây dựng căn nhà sàn, gỗ tạp, diện tích 11m x 9,5m = 104,5m<sup>2</sup>; Kết cấu:

**1.4.1 Tầng trệt:** Móng, trụ bê tông cốt thép, nền lát gạch tàu, vách bao che khung sắt + lưới B40, ram dốc lên gác gỗ khung bê tông cốt thép, mặt láng xi măng, lang can sắt tròn;

Gác gỗ: Trụ cột, đà sàn, sàn gỗ; vách bao che khung gỗ ốp tôn sóng vuông; cửa đi và cửa sổ: khung gỗ sơn dầu; kèo, xà gồ: gỗ; mái lợp ngói.

Hiện trạng: Công trình có nhiều dấu hiệu xuống cấp và hư hỏng như: Nền gạch có nhiều chỗ bị lún, sập; khung gỗ xuất hiện mối, mọt đục khoét; mái ngói rong rêu bám nhiều; tuy nhiên, kết cấu vẫn ổn định và hiện trạng vẫn sử dụng bình thường.

**1.4.2. Nhà bếp:** 3,5m x 7,0m = 24,5m<sup>2</sup>; Kết cấu: Nền lát gạch bông; vách bao che khung gỗ ốp tôn sóng vuông; cửa đi: khung gỗ, ốp tôn Pano; khung: cột, kèo: xà gồ gỗ; mái lợp tôn sóng vuông.

Hiện trạng: Công trình có nhiều dấu hiệu xuống cấp và hư hỏng như: Nền gạch trầy xước; khung gỗ xuất hiện mối, mọt đục khoét; tuy nhiên, kết cấu vẫn ổn định và hiện trạng vẫn sử dụng bình thường.

**1.4.3. Nhà vệ sinh:** Diện tích: 3m x 3m = 9m<sup>2</sup>. Kết cấu: Nền lát gạch; tường: xây gạch có trát vữa xi măng quét vôi; cửa đi: khung pano nhựa, xà gồ: gỗ; mái: lợp tôn sóng vuông.

Hiện trạng: Công trình có nhiều dấu hiệu xuống cấp và hư hỏng như: Nền gạch trầy xước; khung gỗ mối, một đụt khoét; tuy nhiên, kết cấu vẫn ổn định và hiện trạng vẫn sử dụng bình thường.

2.1. **Cây trồng:** Gồm 01 cây dừa, thời gian sinh trưởng khoảng 7 năm; 01 cây mít, thời gian sinh trưởng khoảng 6 năm và 01 cây me thời gian sinh trưởng khoảng 6 năm).

## **2. Các yêu cầu đối với các tổ chức thẩm định giá:**

2.1. Là tổ chức thẩm định giá được Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

2.2. Mức giá dịch vụ thẩm định giá rõ ràng, công khai được nêu rõ khi nộp hồ sơ tham gia thẩm định giá (*Kèm theo biểu giá dịch vụ thẩm định giá của Doanh nghiệp đã được niêm yết công khai theo quy định*).

2.3. Có kế hoạch để tổ chức thẩm định giá (*Thời gian thực hiện, ban hành chứng thư*).

2.4. Có phương án giải quyết khiếu nại, tố cáo về giá; giải trình và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá và các thông tin cần thiết khác.

**3. Thời hạn nộp hồ sơ:** (*Chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông tin trên trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục THADS về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá*).

**4. Thành phần hồ sơ:** Văn bản tham gia ký Hợp đồng dịch vụ thẩm định giá tài sản; hồ sơ năng lực của Tổ chức thẩm định giá; biểu phí thẩm định; hồ sơ đã thẩm định tài sản cùng loại với tài sản kê biên.

**5. Hình thức nộp hồ sơ:** Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Lưu ý: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp sẽ không hoàn trả lại hồ sơ đối với Tổ chức thẩm định giá không được lựa chọn.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp thông báo để các Tổ chức thẩm định giá tài sản đáp ứng đủ yêu cầu được biết và nộp hồ sơ đăng ký theo quy định./.

### **Nơi nhận:**

- Cổng thông tin điện tử của Tổng cục THADS ( để đăng tải);
- Trang Thông tin điện tử của Cục THADS tỉnh Đồng Tháp (để đăng tải);
- Phòng NV (để theo dõi);
- Lưu: VT; HSTHA (CHV Hiệp).



**CHẤP HÀNH VIÊN**

**Trần Công Hiệp**

